

**CÁC LOÀI SÁN LÁ THUỘC BỘ ASPIDOGASTRIDA SKRJABIN ET
GUSCHANSKAJA, 1962 KÝ SINH Ở BA BA TRON *PELODISCUS SINENSIS*
(WIEGMANN, 1834) TẠI VIỆT NAM**

PHẠM NGỌC DOANH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Đặc điểm đặc trưng của sán lá thuộc bộ Aspidogastriida Skrjabin et Guschanskaja, 1962 là có đĩa bám ở mặt bụng và chỉ có một vật chủ trong vòng đời phát triển. Dựa vào sự sai khác này so với các loài sán lá khác, một số tác giả đã tách bộ Aspidogastriida khỏi lớp Sán lá (Trematoda) và nâng lên thành một lớp độc lập. Tuy nhiên, quan điểm này không được nhiều tác giả tán thành và xếp vào phân lớp Aspidogastrea Faust et Tang, 1936 trong lớp Sán lá Trematoda. Phân lớp này chỉ có 1 bộ Aspidogastriida, với khoảng 80 loài trong 4 họ ký sinh ở các loại nhuyễn thể, cá và rùa. Nhóm sán lá này ít có ý nghĩa về mặt kinh tế, nhưng lại thu hút sự quan tâm của các nhà sinh học, vì đây là nhóm sán lá cổ.

Trong quá trình nghiên cứu ký sinh trùng ở bò sát tại vùng đồng bằng sông Hồng trong 2 năm 1998-1999, chúng tôi đã thu được 3 loài sán lá thuộc bộ Aspidogastriida ký sinh ở ba ba trơn *Pelodiscus sinensis* (Wiegmann, 1834), trong đó có 2 loài lần đầu tiên được phát hiện ở Việt Nam.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Ba ba trơn mua tại các tỉnh đồng bằng sông Hồng, sau đó mổ khám toàn diện.
- Mẫu sán lá được định hình trong cồn 70°, sau đó nhuộm bằng axit cacmin.
- Đo vẽ dưới kính hiển vi, định loại dựa vào đặc điểm hình thái.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả mổ khám 160 cá thể ba ba trơn tại 5 tỉnh đồng bằng sông Hồng, gồm: Hải Dương (Chí Linh, Tứ Kỳ), Hải Phòng (Kiến Thụy), Hà

Nam (Duy Tiên, Kim Bảng), Thái Bình (Đông Hưng) và Nam Định (Hải Hậu), đã thu được 3 loài sán lá thuộc bộ Aspidogastriida, đó là: *Cotylapsis sinensis*, *Lophotaspis orientalis* và *Lophotaspis interiora*. Trong đó, 2 loài *Cotylapsis sinensis* và *Lophotaspis interiora* lần đầu tiên được phát hiện, bổ sung cho khu hệ sán lá ở Việt Nam, còn loài *Lophotaspis orientalis* đã được Odening phát hiện vào năm 1968 tại Hà Nội, tuy nhiên hình vẽ và mô tả chưa đầy đủ cần được bổ sung. Dưới đây là mô tả và hình vẽ của 3 loài sán lá này.

Họ Aspidogastriidae Poche, 1907 Giống *Cotylapsis* Leidy, 1857

1. *Cotylapsis sinensis* Faust et Tang, 1936

Faust C. A. et Tang C. C., 1936. Parasitology, 28 (4): 487-501.

Vật chủ: ba ba trơn *Pelodiscus sinensis* (Wiegmann, 1834).

Nơi ký sinh: ruột.

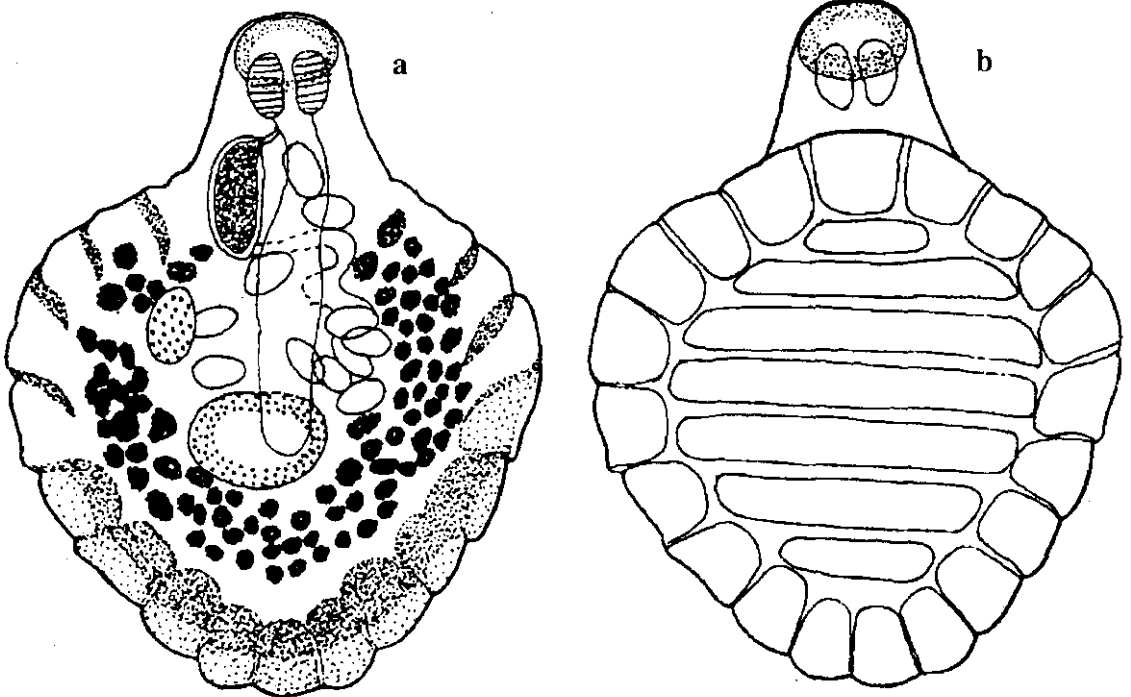
Nơi phát hiện: Hải Dương (Chí Linh), Thái Bình (Đông Hưng), Hà Nam (Kim Bảng).

Mô tả: cơ thể sán dày, khi còn sống có màu đỏ. Kích thước của cơ thể: 2,2-3,1 × 1,6-2,2 mm. Giác miệng không rõ cơ bám như các loài sán lá khác, nằm ở mút trước cơ thể, có kích thước 0,23-0,47 × 0,37-0,57 mm. Hầu có kích thước 0,21-0,31 × 0,25-0,37 mm; nhánh ruột không chế dôi mà kéo dài xuống đến giữa tinh hoàn hoặc quá mép sau tinh hoàn. Cơ quan bám ở phân bụng, lật ngược lên trông giống như mai rùa, bao gồm 20 mấu bám ở xung quanh và 7 mấu ngang. Chỉ có 1 tinh hoàn hình bầu dục nằm lùi về nửa sau cơ thể, có kích thước 0,24-0,41 × 0,37-0,66 mm. Bướng trứng hình ovan,

nằm lệch về bên trái phía trước tinh hoàn, có kích thước 0,13-0,29 × 0,21-0,31 mm. Túi sinh dục lớn, nằm ở bên trái ruột, ngay sau hậu. Tuyến noãn hoàng gồm nhiều bao noãn nằm xung quanh cơ thể phía trong các mấu bám. Tử cung chứa ít trứng; trứng có kích thước lớn: 0,17-0,19 × 0,11-0,13 mm (hình 1).

Tỷ lệ và cường độ nhiễm: ở mỗi địa điểm, nghiên cứu 25 cá thể ba ba. Tỷ lệ nhiễm loài sán lá này ở các địa điểm Hải Dương (Chí Linh), Thái Bình (Đông Hưng) và Hà Nam (Kim Bảng) tương ứng là 4,0%, 25% và 28,0%, với cường độ nhiễm từ 1-16 sán/vật chủ.

Số mẫu nghiên cứu: 10 cá thể.



Hình 1. *Cotylapsis sinensis* Faust et Tang, 1936

a. hình dạng chung; b. mấu bám mặt bụng

Họ Aspidogastridae Poche, 1907
Giống Lophotaspis Looss, 1902

2. *Lophotaspis orientalis* Faust et Tang, 1936

Faust C. A. et Tang C. C., 1936. Parasitology, 28 (4): 487-501.

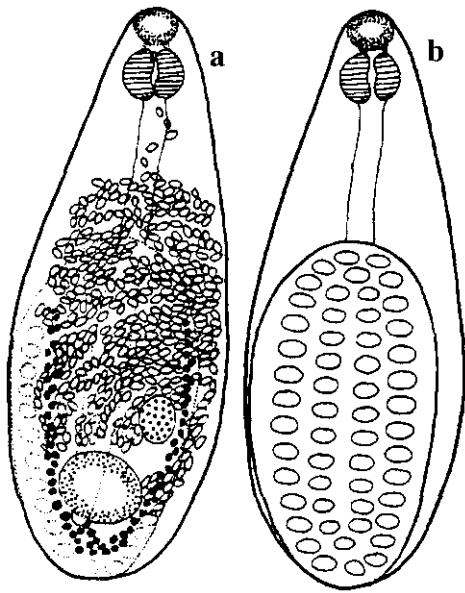
Vật chủ: ba ba trơn.

Nơi ký sinh: dạ dày.

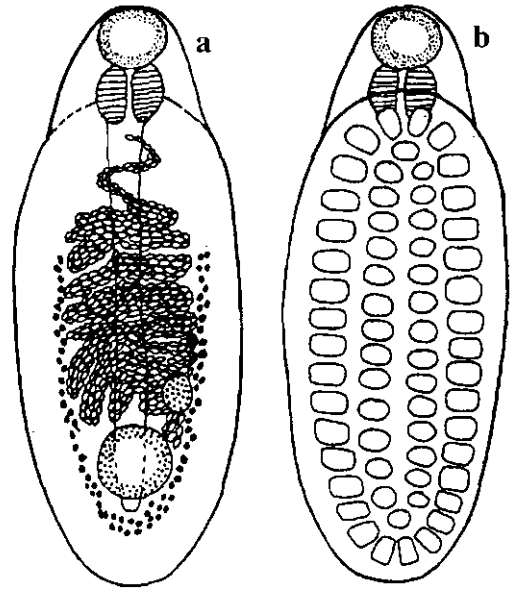
Nơi phát hiện: Nam Định (Hải Hậu).

Mô tả: cơ thể sán dầy, nhẵn, hình bầu dục. Kích thước của cơ thể 4,2-4,5 × 1,5-1,6 mm. Đĩa bám ở mặt bụng cơ thể, có kích thước 2,6-3,1 × 1,5 mm, gồm 54 hốc bám xếp thành 2 vòng: vòng ngoài 30 hốc bám, vòng trong 24 hốc bám.

Giác miệng có kích thước 0,30-0,32 × 0,33-0,40 mm, không có các cơ bám chắc như ở các loài sán lá khác. Trước hậu ngắn 0,25-0,27 mm; hậu có kích thước 0,37-0,47 × 0,43-0,47 mm. Ống ruột không chẻ đôi mà kéo thẳng xuống phía sau cơ thể, vượt quá mép sau tinh hoàn. Chỉ có 1 tinh hoàn hình ovan, nằm ở phần cuối cơ thể, có kích thước 0,41-0,55 × 0,65-0,66 mm. Buồng trứng hình ovan, nhỏ hơn tinh hoàn và nằm lệch về phía bên phải phía trước tinh hoàn, có kích thước 0,22 × 0,33 mm. Tuyến noãn hoàng gồm nhiều bao noãn nằm xung quanh cơ thể, nhưng không vượt quá phần đĩa bám. Tử cung chứa nhiều trứng lấp đầy phần cơ thể từ tinh hoàn tới gần hậu; lỗ sinh dục đổ ra sau hậu. Trứng có kích thước 0,10-0,12 × 0,05-0,06 mm (hình 2).



Hình 2. *Lophotaspis orientalis* Faust et Tang, 1936



Hình 3. *Lophotaspis interiora* Ward et Hopkins, 1931

a. nhìn mặt lưng; b. nhìn mặt bụng.

Tỷ lệ và cường độ nhiễm: trong số 25 cá thể ba ba được nghiên cứu tại Nam Định (Hải Hậu), có 2 cá thể bị nhiễm loài sán lá này, chiếm tỷ lệ 8,0%, với cường độ nhiễm từ 2-4 sán/vật chủ.

Số mẫu nghiên cứu: 6 cá thể.

3. *Lophotaspis interiora* Ward et Hopkins, 1931

Henry B. Ward and Sewell H. Hopkins, 1931. The Journal of Parasitology, 18: 69-78.

Vật chủ: ba ba trơn.

Nơi ký sinh: dạ dày.

Nơi phát hiện: Hải Dương (Chí Linh), Nam Định (Hải Hậu).

Mô tả: cơ thể sán dây, nhẵn, hình bầu dục. Kích thước của cơ thể 4,5-5,0 × 1,3-1,6 mm. Đĩa bám ở mặt bụng, có kích thước 4,0-4,4 × 1,2-1,5 mm, gồm 65 hốc bám xếp thành 2 vòng chia thành 4 hàng: vòng ngoài 35 hốc bám, vòng trong 30 hốc bám. Giác miệng có kích thước 0,29-0,33 × 0,37-0,45 m, không có các cơ bám chắc như ở các loài sán lá khác. Không có trước hầu; hầu có kích thước 0,39-0,45 × 0,43-0,45

mm. Ống ruột không chẻ đôi mà kéo thẳng xuống phía sau cơ thể, vượt quá mép sau tinh hoàn. Chỉ có 1 tinh hoàn hình ovan, nằm ở phần cuối cơ thể, có kích thước 0,43-0,53 × 0,61-0,65 mm. Bông trứng hình ovan, nhỏ hơn tinh hoàn, nằm lệch về phía bên phải phía trước tinh hoàn, có kích thước 0,22-0,25 × 0,31-0,33 mm. Tuyến noãn hoàng gồm nhiều bao noãn nằm xung quanh cơ thể, có chiều dài chiếm 2/3 đĩa bám, không vượt quá phần đĩa bám. Tử cung chứa nhiều trứng lấp đầy phần cơ thể từ tinh hoàn tới gần hầu; lỗ sinh dục đổ ra sau hầu. Trứng có kích thước 0,10-0,12 × 0,05-0,06 mm (hình 3).

Tỷ lệ và cường độ nhiễm: tỷ lệ nhiễm loài sán lá này ở cả 2 địa điểm Hải Dương (Chí Linh) và Nam Định (Hải Hậu) là 4,0% với cường độ nhiễm từ 1-2 sán/vật chủ.

Số mẫu nghiên cứu: 3 cá thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chauhan et al., 1953: Records of India Museum, Vol.51, Part II. Subclass Aspidogastrea, p.209-224.
2. Faust C. A. et Tang C. C., 1936: Parasitology, 28 (4): 487-501.

3. **Henry B. Ward and Sewell H. Hopkins**, 1931: *The Journal of Parasitology*, 18: 69-78.
4. **Klaus Odening**, 1968: *Tạp chí Động vật học*, 3 (4): 289-290 (tiếng Đức).
5. **Rev. Franz Huber, Chu-Fang Lo and Chung-Hsiung Wang**, 1975: *Bull. Inst. Zool., Academia Sinica*, 14(1): 1-7.
6. **Sharpilo V. P.**, 1976: Khu hệ giun sán ký sinh ở bò sát ở Liên Xô: 15-16. Nxb. Kiebs (tiếng Nga).
7. **Sherman S., Hendrix and Robert B. Short**, 1965: *The Journal of Parasitology*, 51(4): 561-569.
8. **Sherman S., Hendrix and Robert B. Short**, 1972: *The Journal of Parasitology*, 58(1): 63-67.
9. **Skrjabin**, 1952: Sán lá ký sinh ở người và động vật, VI: 15-149.

TREMATODE SPECIES OF THE ORDER ASPIDOGASTRIDA PARASITING IN TURTLE *PELODISCUS SINENSIS* (WIEGMANN, 1834) IN VIETNAM

PHAM NGOC DOANH

SUMMARY

Upto now, there is few article about Aspidogastrid in Vietnam. This paper describes 3 species of the order Aspidogastrida Skrjabin et Guschanskaja, 1962 collected from turtles (*Pelodiscus sinensis* (Wiegmann, 1834)) in Vietnam. They are: *Cotylapsis sinensis* Faust et Tang, 1936, *Lophotaspis orientalis* Faust et Tang, 1936 and *Lophotaspis interiora* Ward et Hopkins, 1931. Among them, 2 species *Cotylapsis sinensis* and *Lophotaspis interiora* are recorded for the first time in Vietnam.

Ngày nhận bài: 28-05-2005

TIN BUỒN

Tạp chí Sinh học vô cùng thương tiếc báo tin:

PGS.TS LÝ KIM BẢNG

Nguyên Ủy viên Hội đồng biên tập Tạp chí Sinh học, đã từ trần ngày 7 tháng 2 năm 2006. Lễ tang đã được cử hành ngày 8 tháng 2 năm 2006, an táng tại nghĩa trang Văn Điển, Hà Nội. Tạp chí Sinh học xin chân thành chia buồn cùng gia quyến.

Hội đồng biên tập Tạp chí Sinh học